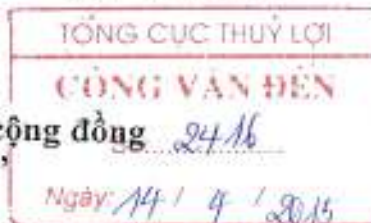




Kiên Giang, ngày 09 tháng 4 năm 2015



BÁO CÁO

Kết quả 5 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014.

Thực hiện Công văn số 186/TCTL-GNTT ngày 09/02/2015 của Tổng Cục thủy Lợi về việc báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009 - 2014.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả thực hiện Đề án như sau:

1. Kết quả thực hiện Đề án:

- Thực hiện Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020. Ngày 07/01/2010, UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Kế hoạch số 03/KH-UBND về việc thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020, tỉnh Kiên Giang.

- Xây dựng hoàn chỉnh kế hoạch, thường xuyên kiện toàn cơ cấu tổ chức phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ở 3 cấp (tỉnh, huyện, xã), các ngành và tổ chức hoạt động có hiệu quả.

- Thực hiện tốt, đầy đủ các nội dung văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai do Trung ương ban hành. Đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan trong phạm vi áp dụng của tỉnh.

- Thực hiện Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 07/01/2010, hàng năm tỉnh đã từng bước thực hiện nâng cao năng lực cho cán bộ chính quyền các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai, đào tạo đội ngũ giảng viên nông cốt cấp tỉnh, cấp huyện, thực hiện tuyên truyền và hỗ trợ nhân dân trong công tác phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai. Cụ thể:

+ Hàng năm Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh tổ chức Hội nghị tập huấn công tác PCTT&TKCN cho thành viên Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh, Trưởng hoặc Phó Ban và cán bộ tổng hợp BCH.PCTT&TKCN các huyện, thị xã, thành phố; cán bộ trực ban Văn phòng BCH.PCTT&TKCN tỉnh nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, các văn bản pháp luật và hỗ trợ các tài liệu tập huấn trong lĩnh vực này cho Ban Chỉ huy cấp huyện để các địa phương tiếp tục triển khai tập huấn cho thành viên BCH.PCTT&TKCN cấp huyện, cấp xã và người dân.

+ Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh phối hợp với Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai đào tạo về giảm nhẹ thiên tai, gồm:

Năm 2011: Đào tạo 07 giảng viên cấp tỉnh.

Năm 2012: Đào tạo 10 giảng viên cấp tỉnh và 106 giảng viên cấp huyện.

Năm 2013: Đào tạo 12 giảng viên cấp tỉnh và 34 cán bộ cấp huyện, cấp xã về hỗ trợ thực hiện công tác hướng dẫn cộng đồng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai.

Trong năm 2014, Văn phòng BCH.PCTT&TKCN tỉnh phối hợp với các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch tập huấn theo Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”, cho các đối tượng là cán bộ cấp xã và người dân. Kết quả triển khai được 50 lớp tập huấn (13/15 huyện, thị xã, thành phố), có tổng cộng 1.816 người tham dự (trong đó, có: 508 cán bộ cấp xã, 1.308).

Qua công tác triển khai thực hiện Đề án đã tạo được sự chuyển biến tích cực, nâng cao năng lực xử lý tình huống, ứng phó với thiên tai đối với các cấp, các ngành; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng, phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống và ứng phó kịp thời để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản do thiên tai gây ra. Đồng thời, thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” trong công tác phòng, chống thiên tai.

2. Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện:

- Công tác triển khai thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020 còn chậm, gặp rất nhiều khó khăn về kinh phí thực hiện chưa đáp ứng được theo nhu cầu kế hoạch đề ra.

- Đa số cán bộ phụ trách, tổng hợp, tham gia làm nhiệm vụ trong công tác PCTT&TKCN kiêm nhiệm, kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực này còn hạn chế; một số đội ngũ giảng viên đã được đào tạo làm công tác PCTT đã nghỉ hưu, chuyển đơn vị khác công tác, nghỉ việc,... nên rất khó huy động khi cần. Cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai còn thiếu.

3. Đề xuất, kiến nghị:

Qua 5 năm triển khai thực hiện Đề án, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang có một số kiến nghị, như sau:

- Sớm bố trí vốn để công tác triển khai thực hiện Đề án của tỉnh hoàn thành theo Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 07/01/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” đến năm 2020 của tỉnh Kiên Giang được đề ra.

- Tiếp tục hỗ trợ tỉnh đào tạo cán bộ cấp xã về *thực hiện công tác hướng dẫn cộng đồng đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương và xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai* tại một số xã thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai trên địa tỉnh trong thời gian tới theo Thông báo số 3374/TB-BNN-VP ngày 17/7/2012 của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ý kiến kết luận của Bộ trưởng Cao Đức Phát tại buổi làm việc với Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang. Trong đó, có: Hỗ trợ triển khai các dự án theo kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.

Trên đây là báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” giai đoạn 2009-2014 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang. *Nam*

Nơi nhận:

- Tổng cục Thủy lợi;
- Chi cục Thủy lợi;
- Lưu: VT, nnnai.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Lâm

PHỤ LỤC 6
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ CẤP TỈNH

Tỉnh: Kiên Giang.

Cán bộ thực hiện: Nguyễn Ngọc Nại.

Ngày gửi báo cáo:.....*09/4/2015*.....

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo					Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)			
Chỉ số 1B	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp tỉnh ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	01		Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 13/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Quốc gia về phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai tỉnh Kiên Giang đến năm 2020.			
Chỉ số 1C	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng và tên các quyết định, văn bản hướng dẫn do cấp huyện ban hành để thực hiện Đề án	Số lượng (liệt kê các quyết định, văn bản)	Huyện A: Huyện B:					
Chỉ số 2A	Số lượng tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Tình đã ban hành kế hoạch thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có.	Đã có	Số lượng: 01	Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 07/01/2010 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2020.			
Chỉ số 2B	Số lượng tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Tình đã có báo cáo kết quả thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có						
Chỉ số 3	Tỉ lệ các tỉnh, huyện, xã có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Tình có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án	Đã có/ Chưa có			Cơ cấu tổ chức thực hiện Đề án được xác định theo tài liệu Hướng dẫn tổ chức thực hiện nâng cao			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 4	Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở các cấp				nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng được Bộ Nông nghiệp và PTNT (Tổng cục Thủy lợi) phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-TCTL-ĐE ngày 22/8/2011.
		Tỷ lệ huyện có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án			<Số lượng huyện đã có hệ thống thực hiện Đề án>
		Tỷ lệ xã của tỉnh có hệ thống tổ chức thực hiện Đề án			<Số lượng xã đã có hệ thống thực hiện Đề án>
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp tỉnh (4A)	Số lượng	02	
		Số lượng cán bộ nữ tham gia thực hiện Đề án ở cấp huyện (4B)	Số lượng: 09	Tp.Rạch Giá: 01 Tân Hiệp: 03 Hòn Đất: 01 An Biên: 01 Châu Thành: 01 Kiên Lương: 01 Kiên Hải: 01 Huyện Xà Bình Giang: 03 Huyện Giồng Riềng Xã Hòa Thuận: 03	<Liệt kê các xã đã có hệ thống thực hiện Đề án>
Chỉ số 5A=	Tỷ lệ cán bộ cấp tỉnh trực tiếp	Số lượng cán bộ cấp tỉnh trực	Số lượng	100%	Quyết định số 1954/QĐ-UBND

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5A1/5A2*100%	làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRIT-DVCD	tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRIT-DVCD (5A1)	Nữ: 02		ngày 07/9/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc duyệt danh sách giảng viên cấp tỉnh thực hiện Đề án "Nâng cao nhân lực công đồng và QLRRITDVCD" tỉnh Kiên Giang (Quyết định phê duyệt danh sách 25 người, ngoài danh sách 04 người).
		Tổng số cán bộ cấp tỉnh trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai (5A2)	Số lượng	Nam: 27 Nữ: 02	Theo Quyết định của 15 huyện, thị xã, thành phố về việc duyệt danh sách giảng viên cấp huyện thực hiện Đề án "Nâng cao nhân lực thực cộng đồng và QLRRITDVCD"
Chỉ số 5B	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRIT-DVCD	Tỷ lệ cán bộ cấp huyện trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRIT-DVCD	Tỷ lệ %	Số lượng 106 người.	- Thành phố Rạch Giá 09. - Hòn Đất 09. - Kiên Lương 09. - Giang Thành 08. - Thị xã Hà Tiên 04. - Kiên Hải 06. - Phú Quốc 03. - Châu Thành 09. - Tân Hiệp 08. - Giồng Riềng 10. - Gò Quao 04. - An Biên 07. - An Minh 06. - U Minh Thượng 07. - Vĩnh Thuận 07.

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 5C	Tỷ lệ cán bộ cấp xã trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Số lượng: 14 người.	Huyện Hòn Đất Xã Bình Giang: 07 Huyện Giồng Riềng Xã Hòa Thuận: 07	Hiện đội ngũ cán bộ giảng viên cấp tỉnh sau khi được đào tạo tạo hiện giờ có người đã nghỉ hưu, nghỉ việc, chuyển đơn vị khác. Khi cần tình gấp khó khăn trong việc huy động.
Chỉ số 6A= 6A1/6A2*100%	Tỷ lệ tập huấn viên cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	Nam: 27 Nữ: 02 Nam: 27 Nữ: 02	Số lượng 29 người.	Theo Quyết định của 15 huyện, thị xã, thành phố về việc duyệt danh sách giảng viên cấp huyện thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTTDVCD”
Chỉ số 6B	Tỷ lệ tập huấn viên cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Số lượng 106 người	- Tp. Rạch Giá 09. - Hòn Đất 09. - Kiên Lương 09. - Giang Thành 08. - T. xã Hả Tiên 04 - Kiên Hải 06. - Phú Quốc 03. - Châu Thành 09. - Tân Hiệp 08. - Giồng Riềng 10. - Gò Quao 04. - An Biên 07. - An Minh 06. - U Minh Thượng 07. - Vĩnh Thuận 07.	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 6C	Tỷ lệ tập huấn viên cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %	Số lượng: 14 người.	Huyện Hòa Bình Đất Xã Bình Giang: 07 Huyện Gióng Riêng Xã Hòa Thuận: 07	
Chỉ số 6D=6D1/6D2*100%	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Số lượng	Nam: Nữ:		<Quyết định thành lập nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh, huyện, xã>
	Tổng số thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp tỉnh (6D2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 6E	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp huyện đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B: 	<Liệt kê các xã đã tổ chức đào tạo tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật-số lượng cán bộ được đào tạo của từng huyện-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn kinh phí>
Chỉ số 6F	Tỷ lệ thành viên nhóm hỗ trợ kỹ thuật cấp xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCD	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B: 	<Liệt kê các xã đã tổ chức đào tạo tạo về QLRRTT-DVCD cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật-số lượng cán bộ được đào tạo của từng xã-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 6G	Tỷ lệ thành viên nhóm cộng đồng của xã đã được đào tạo về QLRRTT-DVCE	Tỷ lệ %		Huyện Hòn Đất Xã Bình Giang 07 người	- Lớp được đào tạo tháng 12/2013. - Xã hỗ trợ kinh phí cho học viên tham dự khóa đào tạo. - Trung tâm Phòng tránh và GNTT tổ chức đào tạo.
Chỉ số 7A= 7A1/7A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm	Số lượng		Huyện Giồng Riềng Xã Hòa Thuận 07 người	<Liệt kê các xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai cho cộng đồng hàng năm-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 8A	Tỷ lệ số người dân của xã được tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phòng chống thiên tai hàng năm	Tỷ lệ %		Rạch Giá: 137 người P. Rạch Sỏi: 34 P. Vĩnh Quang: 34 P. Vĩnh Thông: 35 Xã Phi Thông: 34 Hòn Bình	Phương thức tập huấn là tổ chức các lớp tại các xã, phường, thị trấn.

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Đất: 89 Giang: 22 Linh Huỳnh: 23 Mỹ Lâm: 22 Sơn Bình: 22 Dương Hòa: 40 Hòa Diên: 40 Bình Trị: 40 Kiên Bình: 40 Kiên Lương: 160 Giang Thành: 52 Vĩnh Diêu: 13 Vĩnh Phú: 12 Tân Khánh Hòa:	

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				14	
				Phú Mỹ: 13	
				P.Đông Hồ: 29	
				P.Pháo Đài: 29	
				Xã Thuận Yên: 30	
				TX.Hà Tiên: 28	
				Hòn Trè: 29	
				Lại Sơn: 30	
				An Sơn: 30	
				Nam Du: 29	
				Vĩnh Hòa Hiệp: 24	
				Thạnh Lộc: 24	
				Giục Tượng:	
				Hà Tiên: 117	
				Kiên Hải: 118	
				Châu Thành: 97	

Chi số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				24 Mình Hòa: 25 Tân Hiệp: 124 Tân Hiệp B: 12 Thanh Đông A: 12 Thanh Đông B: 11 Thanh Đông: 11 Thanh Trị: 11 Tân An: 11 Tân Hòa: 11 Tân Hộ: 10 Tân	

Thanh:

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				10	
				T.Trần Tân Hiệp: 13	
				Vĩnh Hòa Hưng Nam: 20	
				Thủy Liệu: 20	
				Thới Quán: 20	
				Vĩnh Phước A: 19	
				Thuận Hòa: 36	
				Tân Thành: 36	
				Vân Khánh: 36	
				Vân Khánh	
				An Minh: 143	
				Gò Quao: 79	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
				Đông: 35 Hòa Chánh: 36 Thanh Yên A: 36 Mình Thuận: 25 Tân Thuận: 31 Vinh Thuận: 31 Vinh Phong: 32	
				U Minh Thuận g: 97 Vinh Thuận: 95	
Chỉ số 9A= 9A1/9A2*100%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã triển khai diện tập hàng năm	Số lượng			<Liệt kê xã đã triển khai diện tập hàng năm-các loại hình diện tập- năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 10A1	Số lượng tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRIT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRIT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Đã có/ Chưa có	Đã có	- Bộ chỉ số đánh giá Đề án " Nâng cao nhận thức CD và QLRRITDVCD". Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (tài liệu dành cho cấp xã).

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					- Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. - Hướng dẫn tổ chức thực hiện “Nâng cao NTCD và QLRRTTDVCD”. - Hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi sớm khi xảy ra lũ lớn, lũ quét, sạt lở đất. - Hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi - Hướng dẫn đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ các giai đoạn của thiên tai - Bạn cần biết phải làm gì trước, trong và sau khi xảy ra bão, lũ, lụt (tờ rơi). - Một số phương tiện, đồ dùng cứu sinh cho tàu thuyền hoạt động trên biển (tờ rơi). - Đĩa DVD- Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”. - Đĩa CD - Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”. - Đĩa DVD- Báo HAIYAN – Bất ngờ của thế kỷ. - Bộ chỉ số đánh giá Đề án “Nâng cao nhận thức CD và QLRRTTDVCD”.
Chỉ số 10B= 10B1/10B2*100 %	Tỷ lệ huyện đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCD do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập	Số lượng	15/15 huyện, thị xã, thành phố		Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
huan	Tổng số huyện nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10B2)	Số lượng	15/15 huyện, thị xã, thành phố		cộng đồng (tài liệu dành cho cấp xã). - Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. - Hướng dẫn tổ chức thực hiện “Nâng cao NTCĐ và QLRRTTDVCĐ”. - Hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi sớm khi xảy ra lũ lớn, lũ quét, sạt lở đất. - Hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi - Hướng dẫn đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ các giai đoạn của thiên tai - Bạn cần biết phải làm gì trước, trong và sau khi xảy ra bão, lũ, lụt (tờ rơi). - Một số phương tiện, đồ dùng cứu sinh cho tàu thuyền hoạt động trên biển (tờ rơi). - Đĩa DVD- Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”. - Đĩa CD - Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”. - Đĩa DVD- Bảo HAIYAN – Bất ngờ của thế kỷ.
Chỉ số 10C= 10C1/10C2+100	Tỷ lệ xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCĐ	Số lượng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCĐ	145/145 xã.		- Bộ chỉ số đánh giá Đề án “Nâng cao nhận thức CD và

Số lượng xã của tỉnh đã sử dụng bộ tài liệu về QLRRTT-DVCĐ

phường, thị trấn

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
%	do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn				QLRRTDVCĐ". Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng (tài liệu dành cho cấp xã). - Hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng. - Hướng dẫn tổ chức thực hiện "Nâng cao NTCD và QLRRTDVCĐ". - Hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi sớm khi xảy ra lũ lớn, lũ quét, sạt lở đất. - Hướng dẫn ứng phó khẩn cấp và phục hồi - Hướng dẫn đánh giá thiệt hại và nhu cầu cứu trợ các giai đoạn của thiên tai - Bạn cần biết phải làm gì trước, trong và sau khi xảy ra bão, lũ, lụt (tở rơi). - Một số phương tiện, đồ dùng cứu sinh cho tàu thuyền hoạt động trên biển (tở rơi). - Đĩa DVD- Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng". - Đĩa CD - Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng". - Đĩa DVD- Bảo HAIYAN - Bắt ngờ của thế kỷ.
	do Bộ Nông nghiệp và PTNT/TCTL ban hành để tập huấn	Số lượng	145/145 xã, phường, thị trấn		
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (10C2)				

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 11A1	Số lượng tình đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Đã có/ Chưa có	Chưa có		
Chỉ số 11B= 11B1/11B2*100 %	Tỷ lệ cấp huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	15/15 huyện, thị xã, thành phố		<Liệt kê huyện đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>
Chỉ số 11C= 11C1/11C2*100 %	Tỷ lệ cấp xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương	Số lượng	145/145 xã, phường, thị trấn		<Liệt kê xã đã sử dụng bộ tài liệu ban hành của cấp trên biên soạn lại phù hợp với điều kiện địa phương>
Chỉ số 12A= 12A1/12A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hàng năm có sự tham gia của cộng đồng	Số lượng	145/145 xã, phường, thị trấn	100%	Hàng năm các xã, phường, thị trấn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai và tuyên truyền cho người dân bằng hình thức phát tờ rơi, tập huấn. Kinh phí từ Quỹ PCTT của tỉnh và huyện tổ chức thực hiện.
Chỉ số 13A= 13A1/13A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương	Số lượng	145/145 xã, phường, thị trấn	100%	<Liệt kê xã đã lồng ghép kế hoạch phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển KTXH của địa phương, năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 14A= 14A1/14A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng	02		Xã đã xây dựng bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ: Xã Bình Giang (Hòn Đất), xã Hòa Thuận (Giồng Riềng), Huyện bố trí kinh phí. Trung tâm Phòng tránh và GNTT tổ chức năm 2013.
Chỉ số 14B= 14AB1/14B2*100 0%	Tỷ lệ xã của tỉnh đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ	Số lượng	02		<Liệt kê xã đã cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai do người dân tự vẽ năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 15A	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp tỉnh	Liệt kê chi tiết			Các trang thiết bị phục vụ công tác thực hiện Đề án được hiệu là các thiết bị phần cứng, phần mềm để thực hiện các hoạt động của Đề án như máy tính, máy in, máy ảnh, máy chiếu, phần mềm theo dõi, đánh giá; các công cụ đào tạo tạo như bảng viết, tranh lật, v.v...
Chỉ số 15B	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp huyện	Liệt kê chi tiết	Huyện A: Huyện B:		<Liệt kê huyện được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 15C	Liệt kê các trang thiết bị hiện có phục vụ công tác thực hiện Đề án ở cấp xã	Liệt kê chi tiết	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã A: Xã B:		<Liệt kê xã được trang bị công cụ phục vụ công tác thực hiện Đề án-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
					
Chỉ số 16A1	Số lượng tình có trụ sở cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai được nâng cấp hoàn chỉnh phục vụ tốt điều kiện làm việc cho cán bộ	Đã có/ Chưa có	Chưa có		<Tên đơn vị, cơ quan chuyên trách về phòng chống thiên tai>
Chỉ số 17A= 17A1/17A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai	Số lượng	145/145 xã, phường, thị trấn		<Liệt kê xã đã có hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm về thiên tai-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ> Hệ thống truyền tin, cảnh báo sớm thiên tai đến cộng đồng được hiểu là hệ thống hoặc phương thức hiện đại/truyền thông đại chúng thông tin đến cộng đồng người dân đang thời gian, để hiểu và người dân biết cách phòng, chống thiên tai
Chỉ số 18A	Tỷ lệ người dân trên địa bàn xã nhận được thông tin cảnh báo sớm về thiên tai	Tỷ lệ %	145/145 xã, phường, thị trấn	Huyện A: Xã A: Xã B: Huyện B: Xã B:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 19A= 19A1/19A2*100 %	Tỷ lệ xã của tỉnh có danh mục công trình quy mô nhỏ có tham vấn cộng đồng	Số lượng			<Liệt kê xã có danh mục công trình quy mô nhỏ có sự tham vấn cộng đồng-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị chức-nguồn tài trợ>
	Tổng số xã nằm trong danh sách thực hiện Đề án của tỉnh (19A2)	Số lượng			
Chỉ số 20A	Tỷ lệ công trình quy mô nhỏ trong danh mục dự kiến đã được xây dựng trên địa bàn xã	Tỷ lệ %		Huyện A Xã A: Xã B: Huyện B Xã A: Xã B: 	<Liệt kê xã xây dựng các công trình quy mô nhỏ phục vụ phòng chống và GNTT-năm thực hiện-kinh phí-đơn vị tổ chức-nguồn tài trợ>
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: 0 Nữ: 96 Nam: 33 Nữ: 1.902	4,96	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đã được	Số lượng	Nam: 78	5,28	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 22C Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	đào tạo, tập huấn về QLRRTT	được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22B1)	Nữ: 394	6,1	
		Tổng số giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh (22B2)	Nam: 3.682 Nữ: 5.260		
		Số lượng			
Chỉ số 22D Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Sở lượng giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: 118 Nữ: 204	7,9	
		Tổng số giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh	Nam: 2.279 Nữ: 2.995		
		Số lượng			
Chỉ số 22E Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Sở lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D1)	Số lượng	Nam: 80 Nữ: 87	0,9	
		Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (22D2)	Nam: 1.063 Nữ: 1.052		
		Số lượng			
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập	Số lượng giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập	Nam: 0		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
huấn về QLRRTT	huấn về QLRRTT (22E1)		Nữ: 2		
	Tổng số giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (22E2)	Số lượng	Nam: 128 Nữ: 94		
Chỉ số 22F= $\frac{22F1}{22F2} \times 100$ %	Số lượng giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22F1)	Số lượng	Nam: Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (22F2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 22G= $\frac{22G1}{22G2} \times 100$ %	Số lượng giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22G1)	Số lượng	Nam: Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh (22G2)	Số lượng	Nam: Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam: Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng			
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng			
Chỉ số 22A	Tỷ lệ giáo viên các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22B	Tỷ lệ giáo viên các trường tiểu học trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22C	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 22D=22D1/22D2*100%	Tỷ lệ giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam: Nữ:		
	Tổng số giáo viên các trường trung học phổ thông trên địa bàn	Số lượng	Nam:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT (22D2)		Nữ:		
Chỉ số 22E= 22E1/22E2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22F= 22F1/22F2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 22G= 22G1/22G2*100 %	Tỷ lệ giáo viên các trường đại học trên địa bàn tỉnh đã được đào tạo, tập huấn về QLRRTT	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
		Số lượng	Nam:		
			Nữ:		
Chỉ số 23A	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp tỉnh	Số lượng	Nam:		
			Nữ:		

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 23B	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp huyện	Số lượng	Huyện A: Huyện B:		
Chỉ số 23C	Số lượng giáo viên các cấp học trên địa bàn tỉnh tham gia vào đội ngũ giảng viên về QLRRTT-DVCD ở cấp xã	Số lượng	Huyện A: Xã A: Xã B: ... Huyện B Xã A: Xã B: ...		
Chỉ số 24A= 24A1/24A2*100 %	Tỷ lệ các trường mầm non trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa.	Số lượng			
Chỉ số 24B= 24B1/24B2*100 %	Tỷ lệ các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			
Chỉ số 24C= 24C1/24C2*100 %	Tỷ lệ các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng			

Chỉ số		Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Tổng số các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh (24C2)	Số lượng			
Chỉ số 24D= $24D1/24D2 \times 100\%$	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24D1)	Số lượng			
		Tổng số các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh (24D2)	Số lượng			
Chỉ số 24E= $24E1/24E2 \times 100\%$	Tỷ lệ các trường trung học phổ thông xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24E1)	Số lượng			
		Tổng các trường trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (24E2)	Số lượng			
Chỉ số 24F= $24F1/24F2 \times 100\%$	Tỷ lệ các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24F1)	Số lượng			
		Tổng các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh (24F2)	Số lượng			
Chỉ số 24G= $24G1/24G2 \times 100\%$	Tỷ lệ các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa	Số lượng các trường đại học trên địa bàn tỉnh đưa kiến thức QLRRTT vào môn học chính khóa, ngoại khóa (24G1)	Số lượng			
			Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng các trường đại học trên địa bàn tỉnh (24G2)	Số lượng			
Chỉ số 25A	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp tiểu học trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			
Chỉ số 25B	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			
Chỉ số 25C	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			
Chỉ số 25D	Số lượng tiết học và hoạt động ngoại khóa tại trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh có lồng ghép nội dung phòng chống và GNTT	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chỉ số 26A	Số lượng và tên các dự án về nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT-DVCD đã thực hiện trên địa bàn tỉnh	Số lượng (Liệt kê danh sách các dự án)			
Chỉ số 27C= $\frac{27C1}{27C2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			<Kinh phí được cấp từ nguồn ngân sách tỉnh/thành phố cho hoạt động của Đề án>
	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT) (27C2)	Số lượng			
Chỉ số 27D= $\frac{27D1}{27D2} \times 100\%$	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			
	Tổng kinh phí từ nguồn vốn ngân sách được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-ĐT) (27D2)	Số lượng			
Chỉ số 27E	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A:	
				Huyện B:	
					
Chỉ số 27F	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án	Tỷ lệ %		Huyện A:	
				Huyện B:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)				
Chỉ số 27G	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %		Huyện A	
				Xã A:	
				Xã B:	
					
Chỉ số 28C= 28C1/28C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn ngân sách thực hiện Đề án của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện B	
				Xã A:	
				Xã B:	
					
Chỉ số 28D= 28D1/28D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			<Kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án từ nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế>
Chỉ số 28E	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA)	Tỷ lệ %		Huyện A:	
				Huyện B:	

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)				
Chỉ số 28F	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-ĐT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B:	
Chỉ số 28G	Tỷ lệ giải ngân nguồn tài trợ không hoàn lại từ các chính phủ, tổ chức quốc tế (ODA) của xã	Tỷ lệ %		Huyện A: Xã A: Xã B: Xã A: Xã B:	
Chỉ số 29C= 29C1/29C2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của tỉnh (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Số lượng			<Kinh phí thực hiện Đề án do người dân đóng góp>
Chỉ số 29D= 29D1/29D2*100 %	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp của tỉnh (ngành GD-ĐT)	Số lượng			

Chỉ số	Thông tin cần báo cáo	Đơn vị tính	Kết quả thu thập thông tin	Giá trị của các chỉ số tỷ lệ (%)	Thông tin bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng kinh phí từ nguồn khác do người dân đóng góp được cấp hàng năm của tỉnh (ngành GD-DT) (29D2)	Số lượng		Huyện A: Huyện B: 	Xã A:
Chỉ số 29E	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành Nông nghiệp và PTNT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B: 	Xã A:
Chỉ số 29F	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của huyện (ngành GD-DT)	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B: 	Xã B:
Chỉ số 29G	Tỷ lệ giải ngân nguồn khác do người dân đóng góp thực hiện Đề án hàng năm của xã	Tỷ lệ %		Huyện A: Huyện B: 	

